

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDC

TÊN HỌC PHẦN: THIẾT KẾ CẦU BÊ TÔNG CỐT THÉP HỌC KỲ 5

MÃ HỌC PHẦN: CIE - 416 TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 25/10/2010 LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	142210189	BÙI NGỌC	HIẾU	T14XDC	10			7		6			6	6.8	Sầu pháy Taím		
2	142210211	NGUYỄN QUANG	KHUÔNG	T14XDC	7			6		5			HP	0.0	Khăng		
3	142210237	PHẠM NHƯ	QUÂN	T14XDC	8			8		6			8	7.7	Báy pháy Báy		
4	142210890	ĐOÀN CÔNG	THÀNH	T14XDC	6			7		6			7	6.7	Sầu pháy Báy		
5	142220292	HUỖNH NGỌC	ANH	T14XDC	10			7		5			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
6	142220293	NGÔ VĂN	ANH	T14XDC	8			7		7			4	5.5	Nằm pháy Nằm		
7	142220294	NGUYỄN THẾ	BÌNH	T14XDC	6			6		5			5	5.3	Nằm pháy Ba		
8	142220295	PHẠM VĂN	BÌNH	T14XDC	6			6		5			7	6.4	Sầu pháy Bấu		
9	142220296	TRƯƠNG QUANG	CẢNH	T14XDC	9			7		5			6	6.5	Sầu pháy Nằm		
10	142220298	LÊ ĐỨC	CƯƠNG	T14XDC	8			8		6			4	5.5	Nằm pháy Nằm		
11	142220299	ĐOÀN VĂN	DANH	T14XDC	6			7		6			4	5.1	Nằm pháy Mấu		
12	142220300	NGUYỄN TRÌNH	DIỄN	T14XDC	7			6		5			6	6.0	Sầu		
13	142220301	NGÔ QUANG	ĐỊNH	T14XDC	9			8		5			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
14	142220303	NGUYỄN KIM	DŨNG	T14XDC	9			6		6			HP	0.0	Khăng		
15	142220304	LÊ VĂN	DƯƠNG	T14XDC	10			7		5			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
16	142220305	NGUYỄN SINH	DUY	T14XDC	8			7		6			6	6.5	Sầu pháy Nằm		
17	142220306	NGUYỄN THẾ	HẢI	T14XDC	10			8		8			9	8.9	Taím pháy Chên		
18	142220307	ĐƯƠNG	HẢI	T14XDC	10			7		5			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
19	142220308	NGUYỄN HỮU	HẢI	T14XDC	8			5		6			7	6.7	Sầu pháy Báy		
20	142220309	PHAN	HẢO	T14XDC	10			6		6			7	7.2	Báy pháy Hai		
21	142220310	HUỖNH VĂN	HIỆP	T14XDC	10			7		6			6	6.8	Sầu pháy Taím		
22	142220311	PHAN	HIẾU	T14XDC	7			6		6			4	5.1	Nằm pháy Mấu		
23	142220312	VÕ VĂN	HÙNG	T14XDC	10			7		6			5	6.2	Sầu pháy Hai		
24	142220313	ĐOÀN CÔNG	HUY	T14XDC	9			6		6			6	6.5	Sầu pháy Nằm		
25	142220314	TRẦN CÔNG	KHOA	T14XDC	10			7		7			6	6.9	Sầu pháy Chên		
26	142220315	LÊ NGUYỄN	LÂM	T14XDC	9			6		6			7	7.0	Báy		
27	142220316	NGUYỄN BÁ	LÂM	T14XDC	10			7		6			6	6.8	Sầu pháy Taím		
28	142220317	ĐƯƠNG TÂN	LÍNH	T14XDC	5			6		6			7	6.4	Sầu pháy Bấu		
29	142220318	NGUYỄN HỒNG	LỊNH	T14XDC	10			6		7			4	5.7	Nằm pháy Báy		
30	142220319	CAO VĂN	LƯƠNG	T14XDC	10			6		6			5	6.1	Sầu pháy Mấu		
31	142220321	NGUYỄN VĂN	MẠNH	T14XDC	7			6		6			6	6.2	Sầu pháy Hai		
32	142220322	NGUYỄN HOÀI	NAM	T14XDC	10			7		6			4	5.7	Nằm pháy Báy		
33	142220325	TRẦN HOÀNG	NHÂN	T14XDC	9			7		6			5	6.1	Sầu pháy Mấu		
34	142220327	HỒ XUÂN	NHẬT	T14XDC	10			7		6			5	6.2	Sầu pháy Hai		
35	142220328	HUỖNH NGỌC	NINH	T14XDC	9			6		6			6	6.5	Sầu pháy Nằm		
36	142220330	CAO ĐỨC	PHƯỚC	T14XDC	10			6		5			7	7.0	Báy		
37	142220332	HUỖNH CÔNG	QUANG	T14XDC	6			6		5			HP	0.0	Khăng		
38	142220333	NGUYỄN MINH	QUYỀN	T14XDC	7			6		5			6	6.0	Sầu		
39	142220334	TRẦN NGỌC	SÂM	T14XDC	7			6		5			5	5.5	Nằm pháy Nằm		
40	142220335	NGUYỄN TRUNG	SƠN	T14XDC	9			7		6			7	7.2	Báy pháy Hai		

Ngày thi: 25/10/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
41	142220336	NGUYỄN NGỌC	SON	T14XDC	9			7		6			7	7.2	Báý pháý Hai	
42	142220337	PHAN VĂN	TÂY	T14XDC	8			7		6			7	7.0	Báý	
43	142220338	NGUYỄN CAO	THẠCH	T14XDC	7			7		5			6	6.2	Sầu pháý Hai	
44	142220339	LÊ MINH	THÀNH	T14XDC	8			7		6			6	6.5	Sầu pháý Nàm	
45	142220340	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	T14XDC	9			7		5			3	0.0	Khăng	
46	142220341	LÊ VĂN	THÀNH	T14XDC	9			6		6			5	5.9	Nàm pháý Chên	
47	142220342	VƯƠNG CÔNG	THÀNH	T14XDC	8			6		5			6	6.2	Sầu pháý Hai	
48	142220343	NGÔ NGỌC	THIỆN	T14XDC	10			6		5			6	6.5	Sầu pháý Nàm	
49	142220344	HỒ VĂN	THIỆU	T14XDC	8			7		6			6	6.5	Sầu pháý Nàm	
50	142220345	MAI QUỐC	THỌ	T14XDC	9			7		5			6	6.5	Sầu pháý Nàm	
51	142220346	HOÀNG CHÍ	TIẾN	T14XDC	7			6		5			4	4.9	Bấý pháý Chên	
52	142220347	NGUYỄN VĂN	TRÍ	T14XDC	8			6		5			5	5.6	Nàm pháý Sầu	
53	142220348	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	T14XDC	6			7		6			1	0.0	Khăng	
54	142220349	NGUYỄN TẤN	TUÂN	T14XDC	10			7		8			7	7.6	Báý pháý Sầu	
55	142220350	NGUYỄN ANH	TUẤN	T14XDC	6			8		6			4	5.2	Nàm pháý Hai	
56	142220351	NGUYỄN VĂN	TUẤN	T14XDC	6			7		7			7	6.9	Sầu pháý Chên	
57	142220353	NGÔ TÁ	VIỆT	T14XDC	8			7		5			4	5.2	Nàm pháý Hai	
58	142220354	NGUYỄN BÁ	VINH	T14XDC	7			6		5			5	5.5	Nàm pháý Nàm	
59	142220356	NGUYỄN TRUNG	VƯƠNG	T14XDC	6			6		5			1	0.0	Khăng	
1	0433	VĂN ĐÌNH	QUY	K11XC	9			6		6			5	6.0	Sầu	
2	0338	ĐẶNG NGỌC	HUÂN	T13XDC	7			5		5			5	5.3	Nàm pháý Ba	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	55	90%	
2	Số sinh viên nợ	6	10%	
TỔNG CỘNG :		61	100%	

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 11 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú